TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 11/7/2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường

Các thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hường

Ông Phạm Sanh Hiền

- ***T ký phiên tòa:*** Bà Trần Ngọc Linh - T ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên

Trong các ngày 10/6 và ngày 11/ 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2022/QĐXX-HNGĐPT ngày 11/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Anh T, sinh năm 1983

Địa chỉ Tòng trú: Số 48 đường T, khóm C, phường C, thành phố C1, An Giang.

Địa chỉ hiện nay: Tổ 1, khu phố 1, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Lê Nghĩa B, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 17 đường N, khu phố 3, phường A, TP. P, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1954.

2. Bà Lâm Ngọc A, sinh năm 1958

Cùng địa chỉ: Tổ 48, khóm C, phường C, thành phố C1, tỉnh An Giang.

3. Bà Đặng Thị Mỹ H, sinh năm 1954

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 6, phường A, TP. P, tỉnh Kiên Giang.

(Ông B, bà T, ông L, bà Ngọc A có mặt phiên tòa 10/6/2022; bà T vắng mặt phiên tòa 11/7/2022; bà H vắng mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Nguyên đơn bà Nguyên Anh T trình bày theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2020:

Vào năm 2011, tôi và anh Lê Nghĩa B tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau chung sống vợ chồng, chưa đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng chúng tôi chưa có con chung với nhau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng Tờng hay xảy ra mâu thuẩn, bất đồng ý kiến, dẫn đến cãi vã nhau, không những vậy cứ mỗi lần vợ chồng cãi vã nhau là anh B hành hung đánh đập tôi, từ ngày về chung sống với anh B đến nay không biết anh B đã đánh đập tôi bao nhiêu lần, đồng thời Công an thị trấn An Thới cũng đã can thiệp nhiều lần nhưng anh B vẫn chứng nào tật đó không thay đổi được mà ngày càng thêm trầm trọng hơn, do không thể chịu nổi hành vi vũ phu của anh B nên tôi đã sống ly thân với anh B đến nay đã gần 01 năm. Nay tôi xét thấy không thể nào chung sống với anh B được nữa, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, nên yêu cầu ly hôn với anh Lê Nghĩa B.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản: Chúng tôi có tạo dựng được thửa đất toạ lạc tại tổ 1, khu phố 6, thị trấn An Thới, huyện P, tỉnh Kiên Giang; diện tích ngang 10m, dài 30m; gắn liền trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích ngang 5m, dài 30m. Thửa đất này tôi mua của bà Đặng Thị Mỹ H vào ngày 10/5/2016, nằm trong thửa đất theo giấy chứng nhận QSDĐ số BV 898662, thửa đất số 49, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.701,5m^2 do UBND huyện P cấp ngày 07/01/2015 đứng tên bà Đặng Thị Mỹ H, số tiền mua đất do tôi bán đất ở quê để mua chứ không liên quan gì đến tiền anh Lê Nghĩa B. Anh B chỉ phụ thêm số tiền 70.000.000 đồng để xây cất nhà. Quyết định việc phân chia tài sản nhà và đất giá trị theo tỷ lệ bà T 70%, ông B 30%.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi có nợ của cha mẹ tôi là ông Nguyễn Văn L, bà Lâm Ngọc A số tiền 245.000.000 đồng.

Yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với ông Lê Nghĩa B.

Về con chung: Tôi và ông B không có con chung, nên không yêu cầu Toà án xem xét.

Về tài sản chung: Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bà T là ông Nguyễn Văn L yêu cầu: Thửa đất hơn 300m^2 tại khu phố 6, phường An Thới, thành phố P là tài sản riêng của bà T nên yêu cầu Toà án không xem xét phân chia diện tích đất này. Căn nhà cấp 4 trên đất thì bà T yêu cầu Toà án giao căn nhà này cho bà T, bà T sẽ hoàn trả 50% trị giá căn nhà cho ông B theo kết quả định giá tài sản của Toà án.

-Bị đơn ông Lê Nghĩa B trình bày theo đơn phản tố ngày 04/01/2021:

Về hôn nhân: giữa tôi và bà Nguyễn Anh T có sống chung với nhau 09 năm không có giấy tờ kết hôn, nhưng bà Nguyễn Anh T muốn ly hôn tôi chấp nhận. Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Năm 2016, tôi có trực tiếp thoả thuận với ông Hành là sĩ quan Hải quân vùng 5 mua diện tích đất có chiều ngang 10m, chiều dài 30m; toạ lạc tại tổ 1, khu phố 6, thị trấn An Thới, P, Kiên Giang; trị giá 650.000.000 đồng, diện tích đất này hiện chưa được tách thửa, đang nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số BV 898662, thửa đất số 49, tờ bản đồ số 30 mang tên bà Đặng Thị Mỹ H. Tại thời điểm mua bán, tôi với ông Hành có làm hợp đồng mua bán tay, đến năm 2017 vợ chồng tôi mượn tiền của ba mẹ vợ ông L bà Anh nên vợ chồng tôi có đưa hợp đồng mua bán đất giữa vợ chồng tôi với ông Hành cho ông L để làm tin. Diện tích đất nêu trên tôi trực tiếp mua bán đất với ông Hành, chứ không phải mua trực tiếp của bà Đặng Thị Mỹ H.

Trước thời điểm mua bán đất tôi làm nghề buôn bán đất, bất động sản và hành nghề hớt tóc, khoản tiền thu nhập của tôi đều đưa cho vợ tôi dành dụm để mua đất cất nhà. Đến năm 2017, vợ chồng tôi xây dựng một căn nhà cấp 4 trên diện tích đất ngang 5m, dài 30m; diện tích còn lại để đất trồng cây. Tại thời điểm mua bán đất do đang làm giấy tờ tay nên tôi để cho vợ tôi tạm đứng tên, việc thoả thuận mua bán là bản thân tôi trực tiếp đứng ra giao dịch mua bán với ông Hành.

Nay tôi yêu cầu Toà án công nhận diện tích đất 300m^2 (10 x 30) toạ lạc tại tổ 1, khu phố 6, thị trấn An Thới, P là tài sản chung của vợ chồng, có giá trị là 01 tỷ đồng; tôi yêu cầu chia đôi mỗi người ½ số tài sản trên.

Tại phiên toà, ông Lê Nghĩa B trình bày: Về hôn nhân: tôi đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Anh T. Về con chung: Tôi xác nhận tôi và bà T không có con chung.Về tài sản chung: Tôi xác định căn nhà cấp 4 và diện tích đất 300m^2 tại khu phố 6, phường An Thới, thành phố P là tài sản chung của tôi và bà T trong thời kỳ hôn

nhân. Nếu Toà án quyết định giao căn nhà và đất này cho ai thì người kia phải có trách nhiệm hoàn trả 50% trị giá nhà và đất theo giá trị chuyển nhượng thực tế trên thị trường vào thời điểm xét xử. Về nợ chung: Tôi xác định hiện nay tôi và bà T còn nợ ông Nguyễn Văn L và bà Lâm Ngọc A số tiền 200.000.000 đồng, tôi đồng ý trả cho ông L và bà Ngọc A số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất theo lãi suất ngân hàng từ ngày vay tiền đến nay.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L và bà Lâm Ngọc A trình bày tại đơn yêu cầu độc lập và trong suốt quá trình tố tụng:

Vào ngày 19/02/2017 vợ chồng tôi có đi đến thị trấn An Thới và có mời bà Nguyễn Anh T và ông Lê Nghĩa B đến khách sạn để cho mượn số tiền 175.000.000 đồng, với mục đích là xây dựng mới căn nhà cấp 4, diện tích 5m x 30m, trên miếng đất 10m x 30m.

Trong khi xây cất nhà vì chi phí phát sinh, Anh T có mượn thêm chúng tôi 70.000.000 đồng. Vậy tổng số tiền mượn 02 lần là 245.000.000 đồng. Từ tháng 02/2017 đến tháng 06/2020 Anh T và B không trả tiền vốn và lãi cho chúng tôi. Chúng tôi đề nghị Toà án phân xử để Anh T và B trả lại vốn và lãi cho chúng tôi tổng cộng là 340.550.000 đồng.

Tại phiên toà, ông Nguyễn Văn L và bà Lâm Ngọc A trình bày: Nay anh Lê Nghĩa B xác định còn nợ vợ chồng tôi số tiền 200.000.000 đồng thì vợ chồng tôi đồng ý. Vợ chồng tôi rút một phần yêu cầu độc lập đối với số tiền là 45.000.000 đồng và không yêu cầu Nguyễn Anh T phải trả số nợ 100.000.000 đồng và tiền lãi suất. Vợ chồng tôi yêu cầu ông B phải trả số nợ là 100.000.000 đồng và lãi suất từ ngày vay tiền đến nay như sau: lãi suất năm đầu tiên là 01%/tháng; từ năm thứ hai trở đi đến nay thì lãi suất là 20%/năm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị Mỹ H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2021:

Trước đây tôi có chuyển nhượng một phần đất của tôi cho ông Nguyễn Văn Hành là Sĩ quan Vùng 5 Hải quân, chuyển nhượng vào ngày tháng năm nào thì tôi không nhớ cụ thể, hai bên có lập giấy tờ mua bán nhưng đã bị thất lạc, khi nào tôi tìm được sẽ cung cấp cho Toà án sau.

Diện tích đất tôi chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Hành ngang 10m, dài 30m nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tôi, thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 30, toạ lạc tại ấp 6, thị trấn An Thới, huyện P, Kiên Giang; giá chuyển nhượng là 20.000.000 đồng, ông Hành đã thanh toán tiền xong cho tôi.

Đến năm 2016 thì bà Nguyễn Anh T đến gặp tôi và báo cho tôi biết đã mua lại diện tích đất này của ông Hành. Sau đó bà T nhờ tôi ký tên trực tiếp mua bán lại

vào giấy tờ mua bán đất cho bà T, để bà T tiện việc làm giấy tờ đất sau này. Ông Hành có điện thoại cho tôi và có kêu tôi ký tên vào giấy tờ mua bán đất với bà T, lúc này ông Hành không có mặt tại P mà chỉ nói chuyện qua điện thoại. Do ông Hành đồng ý với yêu cầu của bà T về việc tôi và bà T ký vào hợp đồng mua bán đất nên tôi mới đồng ý ký.

Việc ông Hành bán thửa đất cho bà T với giá bao nhiêu tôi không biết, hai bên thanh toán tiền với nhau như thế nào tôi cũng không biết, tôi cũng không nhận bất cứ tiền bạc gì với bà T. Khi bà T nhờ tôi ký vào giấy mua bán đất thì bà T có nói cho tôi biết việc bà T mua đất với ông Hành là do bà T mua bán, không liên quan gì đến ông B.

Việc chuyển nhượng đất giữa bà T và ông Hành cụ thể như thế nào thì tôi không được rõ. Nay thửa đất này tôi đã chuyển nhượng cho ông Hành và ông Hành đã chuyển nhượng cho bà T, tôi không có ý kiến hoặc yêu cầu gì đối với phần diện tích đất đang tranh chấp này. Tôi yêu cầu ông B và bà T sử dụng đúng vị trí và diện tích mà Toà án đã đo đạc, ông B và bà T không được xâm chiếm đất của tôi. Hiện nay ông Nguyễn Văn Hành đang cư trú tại đâu thì tôi không biết, đã lâu tôi không gặp ông Hành.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 05/2022/HNGĐ-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân TP. P, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Anh T và ông Lê Nghĩa B.

2. Về con chung: bà Nguyễn Anh T và ông Lê Nghĩa B xác nhận không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Anh T.

3.1. Giao cho bà Nguyễn Anh T được quyền sở hữu căn nhà có diện tích 150m^2 và công trình phụ là chân bồn nước; toạ lạc tại tổ 1, khu phố 6, phường An Thới, thành phố P.

3.2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Lê Nghĩa B phải giao lại căn nhà có diện tích 150m^2 và công trình phụ là chân bồn nước; toạ lạc tại tổ 1, khu phố 6, phường An Thới, thành phố P cho bà Nguyễn Anh T sử dụng.

(Căn nhà nêu trên nằm trên phần diện tích đất 151,5m^2 theo Tờ trích đo địa chính thửa đất đang tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P lập ngày 26/4/2021).

3.3. Bà Nguyễn Anh T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Nghĩa B 50% trị giá căn nhà với số tiền là 236.847.000 đồng (*Hai trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*).

3.4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Lê Nghĩa B, về việc yêu cầu phân chia diện tích đất 302,6m^2; tại tổ 1, khu phố 6, phường An Thới, thành phố P. (Được giới hạn bởi các điểm 13, 14, 15, 16, 17, 18 theo Tờ trích đo địa chính thửa đất đang tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P lập ngày 26/4/2021).

Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết lại đối với diện tích đất nêu trên nếu có địa chỉ cư trú hiện nay của ông Nguyễn Văn Hành.

4. Về nợ chung:

4.1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn L và bà Lâm Ngọc A về việc yêu cầu ông Lê Nghĩa B và bà Nguyễn Anh T trả số nợ vay là 45.000.000 đồng.

4.2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn L và bà Lâm Ngọc A về việc yêu cầu bà Nguyễn Anh T trả tiền nợ vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi suất.

4.3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn L và bà Lâm Ngọc A đối với ông Lê Nghĩa B. Buộc ông Lê Nghĩa B phải trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Lâm Ngọc A số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và trả lãi suất là 87.200.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và báo quyền kháng cáo đương sự theo hạn luật định.

- Ngày 28 tháng 01 năm 2022, bị đơn ông Lê Nghĩa B kháng cáo yêu cầu được sử dụng căn nhà tọa lạc tại khu phố 6, phường An Thới, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Ông B sẽ trả 50% giá trị căn nhà cho bà Nguyễn Anh T; Yêu cầu chia đôi diện tích đất 302,6m^2 tọa lạc tại tổ 1, khu phố 6, phường An Thới, TP P, tỉnh Kiên Giang.

- Ngày 09 tháng 02 năm 2022, nguyên đơn bà Nguyễn Anh T kháng cáo không đồng ý việc Tòa cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông Lê Nghĩa B, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông B về việc yêu cầu phân chia diện tích đất 302,6m^2 tại tổ 1, khu phố 6, phường An Thới, TP. P.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10/6/2022: Bà Nguyễn Anh T rút Đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm giữ y Bản án sơ thẩm.

Ông B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý đình chỉ yêu cầu phản tố của bản án sơ thẩm, yêu cầu được sở hữu nhà và hoàn trả 50% giá trị nhà theo

định giá cho bà T, yêu cầu chia đôi QSD đất theo giá trị nếu không đủ diện tích tách thửa cho hai bên.

Các bên đề nghị Hội đồng xét xử cho thỏa thuận phân chia tài sản, nhưng không Tơng lượng được giá trị tài sản nhà đất giao nhận khi chia.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xem xét các tài liệu do ông L cung cấp tại phiên tòa là các hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Hành bà Hòa, ông Bằng bà Tới với bà T để xác định người tham gia tố tụng trong tranh chấp tài sản chung là QSD đất của bà T ông B.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 11/7/2022: Ông L đại diện theo ủy quyền của bà T về việc chia tài sản chung có ý kiến: yêu cầu ông B giao nhà đất cho bà T, ông B nhận giá trị tài sản nhà đất theo Tơng lượng, sau đó ông L xác định QSD đất là tài sản riêng của bà T; rút yêu cầu kháng cáo, yêu cầu giữ y bản án sơ thẩm.

Ông B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu giải quyết nhà đất chung trong vụ án. Ông chấp nhận giao nhà đất cho bà T, bà T giao lại cho ông ½ giá trị nhà đất là 1,5 tỷ đồng; ngược lại ông nhận nhà đất thì ông giao bà T ½ giá trị nhà đất là 1,6 tỷ đồng và ông trả nợ cho ông L bà Anh theo bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289; khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của bà T, do tại phiên tòa bà T rút đơn kháng cáo.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông B, hủy một phần bản án Hôn nhân sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân TP. P về phần tài sản do phát sinh chứng cứ mới ông L và ông B cung cấp tại cấp phúc thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại phần tài sản chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân, nợ chung: Các đương sự trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[2] Về tài sản chung:

- Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Anh T rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Căn cứ điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà T.

- Xét kháng cáo của ông Lê Nghĩa B: xét thấy quyền sở hữu (QSH) nhà 150m^2 xây dựng trên QSD đất 302,6m^2 tại tổ 1, Khu phố 6, phường An Thới, thành phố P bà T và ông B không thống nhất với nhau về quyền sở hữu tài sản. Bà T xác định nhà là tài sản chung, QSD đất là tài sản riêng của bà T; ông B xác định QSH nhà và QSD đất là tài sản chung. QSH nhà và QSD đất chưa được cấp giấy chứng nhận theo quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông B về việc yêu cầu chia QSD đất do đương sự không cung cấp địa chỉ hiện nay của người chuyển nhượng đất là ông Nguyễn Văn Hành. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L đại diện cho bà T về việc chia tài sản cung cấp bản sao Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa bà Đặng Thị Mỹ H với ông Nguyễn Văn Hành; Giấy chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền chuyển nhượng QSD đất giữa vợ chồng ông Trần Phái Bằng với bà T. Ông B có văn bản cung cấp địa chỉ hiện tại của ông Nguyễn Văn Hành.

Hai bên đương sự yêu cầu Hội đồng xét xử cho thỏa thuận giá trị nhà đất để giao nhận phân chia, nhưng sau đó các bên không thỏa thuận được giá trị tài sản giao nhận.

Xét thấy việc cung cấp chứng cứ mới tại phiên tòa phúc thẩm của ông L đại diện bà T và việc cung cấp địa chỉ mới của Nguyễn Văn Hành theo văn bản của ông B là phát sinh chứng cứ mới đối với tranh chấp tài sản chung. Xét thấy từ các chứng cứ mới cung cấp của đương sự cần phải đưa ông Bằng ông Hành tham gia tố tụng để làm rỏ việc chuyển nhượng QSD đất đang tranh chấp tài sản riêng hay chung của bà T ông B mà cấp phúc thẩm không thực hiện được. Đồng thời để giải quyết tranh chấp toàn diện, triệt để, đảm bảo thi hành án thì cần phải giải quyết QSH nhà xây dựng trên QSD đất trong cùng một vụ án.

Do vậy, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại viện Viện Kiểm sát, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà T, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Nghĩa B. Giữ y bản án sơ thẩm về giải quyết quan hệ hôn nhân và nợ chung; hủy một phần bản án

Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố P về việc chia tài sản, giao hồ sơ về Tòa án P giải quyết lại về phần tài sản theo thủ tục chung.

[3] Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng liên quan đến giải quyết về tài sản tranh chấp nhà đất sẽ được tính lại khi Tòa sơ thẩm thụ lý giải quyết lại.

[4] Về án phí: án phí ly hôn sơ thẩm và nợ chung giữ nguyên theo bản án sơ thẩm. Án phí sơ thẩm về chia tài sản sẽ được tính lại khi Tòa sơ thẩm thụ lý giải quyết lại theo thủ tục chung.

Án phí phúc thẩm: bà Nguyễn Anh T không phải chịu án phí phúc thẩm, do bà T rút yêu cầu kháng cáo về phần tài sản nhưng cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản liên quan đến kháng cáo của bà T, tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà T nộp được hoàn trả theo biên lai thu của cơ quan Thi hành án.

Ông Lê Nghĩa B không phải chịu án phí phúc thẩm do được chấp nhận một phần kháng cáo, số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông B đã nộp được hoàn trả theo biên lai thu của cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 14, Điều 16, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của bà Nguyễn Anh T.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Nghĩa B.

- Hủy một phần bản án Hôn nhân & gia đình sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân TP. P, tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết tranh chấp tài sản.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Anh T và ông Lê Nghĩa B.

2. Về con chung: bà Nguyễn Anh T và ông Lê Nghĩa B xác nhận không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về nợ chung:

3.1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn L và bà Lâm Ngọc A về việc yêu cầu ông Lê Nghĩa B và bà Nguyễn Anh T trả số nợ vay là 45.000.000 đồng.

3.2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn L và bà Lâm Ngọc A về việc yêu cầu bà Nguyễn Anh T trả tiền nợ vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi suất.

3.3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn L và bà Lâm Ngọc A đối với ông Lê Nghĩa B. Buộc ông Lê Nghĩa B phải trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Lâm Ngọc A số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và trả lãi suất là 87.200.000 đồng (tám mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

4. Hủy một phần bản án Hôn nhân & gia đình sơ thẩm về tài sản chung: Hủy việc đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Lê Nghĩa B; hủy phần giải quyết tài sản là căn nhà diện tích 150m^2 và công trình phụ xây dựng trên diện tích đất 302,6m^2 tại tổ 1, khu phố 6, phường An Thới, thành phố P. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án thành phố P giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

5. Chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá sẽ được tính lại khi Tòa sơ thẩm thụ lý giải quyết lại về tài sản chung.

6. Án phí:

-Án phí sơ thẩm: Án phí sơ thẩm ly hôn, Bà Nguyễn Anh T phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 4.800.000đ bà T nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0002647 ngày 21/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự P, còn lại 4.500.000đ sẽ được tính vào án phí chia tài sản khi Tòa P thụ lý giải quyết lại sơ thẩm.

Ông Lê Nghĩa B phải nộp án phí sơ thẩm trên số tiền nợ phải trả ông L bà Ngọc A là 187.200.000đ x 5% = 9.360.000đ, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 21.000.000đ ông B nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0007873 ngày 06/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự P, còn lại 11.640.000đ sẽ được tính vào án phí chia tài sản khi Tòa P thụ lý giải quyết lại sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn L và bà Lâm Ngọc A không phải nộp tiền án phí. Hòan trả tạm ứng án phí cho cho ông L bà Anh 8.314.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0002882 ngày 20/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự P.

- Án phí phúc thẩm: bà Nguyễn Anh T và ông Lê Nghĩa B không phải nộp. Bà T được hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ theo biên lai thu 0004443 ngày 11/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự P. Ông B được hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ theo biên lai thu 0004446 ngày 11/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự P.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP. P;
- THA dân sự TP. P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hường